CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 220/2013/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2013*

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Số: 8
Ngày: 31/12

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật tố cáo ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ; tố cáo và giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân; bảo vệ người tố cáo, người thân thích của người tố cáo; quản lý công tác giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với:

1. Quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, công dân Việt Nam, cá nhân nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền tố cáo.

2. Quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng; cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân bị tố cáo có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến quốc phòng.

3. Người giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân; cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.

4. Người tố cáo và người thân thích của người tố cáo liên quan đến tố cáo trong Quân đội nhân dân được bảo vệ.

5. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ người tố cáo trong Quân đội nhân dân.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quân nhân bao gồm: Quân nhân tại ngũ và quân nhân dự bị.

a) Quân nhân tại ngũ là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ theo quy định của Luật nghĩa vụ quân sự, Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

b) Quân nhân dự bị là công dân Việt Nam được đăng ký vào ngạch dự bị động viên, gồm: Sĩ quan dự bị, quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị theo quy định của pháp luật.

2. Công nhân viên chức quốc phòng là công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng và người làm việc theo hợp đồng lao động trong cơ quan, đơn vị của Quân đội nhân dân.

3. Người Chỉ huy là người đứng đầu trong cơ quan, đơn vị, gồm: Chỉ huy trưởng quân sự (người đứng đầu về hành chính quân sự), Chính ủy, Chính trị viên và cấp phó của người đứng đầu.

4. Người giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân là người đứng đầu về hành chính quân sự của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết tố cáo theo quy định của Nghị định này.

5. Quản lý nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng là quản lý của Bộ Quốc phòng trong các lĩnh vực: Bảo vệ biên giới, vùng biển, đảo, quần đảo, vùng trời quốc gia; xây dựng khu vực phòng thủ; phòng thủ dân sự; công nghiệp quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự, đất quốc phòng và môi trường có liên quan đến hoạt động quốc phòng; cơ yếu; hoạt động đối ngoại trong phạm vi quản lý của Bộ; các dịch vụ công và các lĩnh vực quản lý khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Áp dụng pháp luật về tố cáo và giải quyết tố cáo

1. Việc tố cáo của cá nhân nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam và giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Quân đội nhân dân được áp dụng theo quy định của Luật tố cáo và Nghị định này, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

2. Tố cáo hành vi có dấu hiệu tội phạm liên quan đến Quân đội nhân dân do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự trong Quân đội nhân dân giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

3. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của quân nhân dự bị thực hiện trong thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập hoặc kiểm tra tình trạng sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu được áp dụng theo quy định của Luật tố cáo và Nghị định này.

4. Các quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân không được quy định trong Nghị định này thực hiện theo quy định của Luật tố cáo và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật tố cáo.

Chương II
GIẢI QUYẾT TỐ CÁO ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT CỦA QUÂN NHÂN, CÔNG NHÂN VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG TRONG VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, CÔNG VỤ

Mục 1
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

Điều 5. Nguyên tắc xác định thẩm quyền

1. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng do người đứng đầu về hành chính quân sự của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng giải quyết.

2. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người chỉ huy cơ quan, đơn vị do người đứng đầu về hành chính quân sự có thẩm quyền giải quyết tố cáo của cơ quan, đơn vị cấp trên trực tiếp của cơ quan, đơn vị đó giải quyết.

Điều 6. Thẩm quyền giải quyết tố cáo trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ

1. Trung đoàn trưởng, Lữ đoàn trưởng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự huyện, Đồn trưởng đồn Biên phòng và cấp tương đương có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng do mình quản lý.

2. Cục trưởng, Sư đoàn trưởng, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và cấp tương đương có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người chỉ huy cơ quan, đơn vị cấp dưới trực tiếp và quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng thuộc cơ quan, đơn vị mình quản lý trong trường hợp người đứng đầu về hành chính quân sự của cơ quan, đơn vị đó không có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

3. Giám đốc học viện, Hiệu trưởng nhà trường, Viện trưởng viện nghiên cứu, Giám đốc bệnh viện và cấp tương đương có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng do mình quản lý.

4. Tư lệnh Quân đoàn, Binh chủng, Binh đoàn, Bộ Tư lệnh bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và cấp tương đương có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người chỉ huy cơ quan, đơn vị cấp dưới trực tiếp và quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng thuộc cơ quan, đơn vị mình quản lý trong trường hợp người đứng đầu về hành chính quân sự của cơ quan, đơn vị đó không có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

5. Tư lệnh Quân khu, Quân chủng, Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Trưởng ban Cơ yếu Chính phủ và cấp tương đương có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người chỉ huy cơ quan, đơn vị cấp dưới trực tiếp và quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng thuộc cơ quan, đơn vị mình quản lý trong trường hợp người đứng đầu về hành chính quân sự của cơ quan, đơn vị đó không có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

6. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Chủ nhiệm các tổng cục, Tổng cục trưởng Tổng cục Tình báo có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người chỉ huy cơ quan, đơn vị cấp dưới trực tiếp quản lý.

7. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người chỉ huy cơ quan, đơn vị cấp dưới trực tiếp thuộc Bộ Quốc phòng.

Mục 2
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

Điều 7. Tiếp nhận, xử lý đơn tố cáo có nội dung khiếu nại

Khi tiếp nhận, xử lý đơn tố cáo có nội dung khiếu nại thì người tiếp nhận, xử lý đơn hướng dẫn người tố cáo viết lại đơn, tách nội dung khiếu nại gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Thụ lý tố cáo trong trường hợp người bị tố cáo đang thực hiện nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc trong tình huống khẩn cấp

Trường hợp người bị tố cáo đang thực hiện nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc trong tình huống khẩn cấp, việc thụ lý tố cáo tính từ thời điểm ngay sau ngày người bị tố cáo thực hiện xong nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc tình huống khẩn cấp. Trong trường hợp này, người giải quyết tố cáo phải thông báo bằng văn bản cho người tố cáo về việc thụ lý tố cáo.